

**CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VÀ PCCC NAM SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VÀ PCCC NAM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400901394

**3. Ngày thành lập:** 24/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10 ngõ 842 đường Lê Lợi, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0389898114

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                    | 4321        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống PCCC                                                                              | 4329(Chính) |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về PCCC; Tư vấn chuyển giao công nghệ về PCCC          | 7110        |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                  | 3320        |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                           | 4330        |
| 6.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                      | 4390        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                  | 4663        |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4752        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                      | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                       | 4652        |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                   | 4741        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư PCCC                                               | 4659        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Gửi hàng, đại lý vé máy bay                                         | 5229        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                              | 5210        |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                         | 5224        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                               | 8230 |
| 19. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                            | 9521 |
| 20. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                               | 9511 |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng trong công ty kinh doanh                               | 8299 |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ về PCCC                                            | 7490 |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị PCCC                                                                          | 3290 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 31. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 32. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 35. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 37. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 39. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322 |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 41. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662 |
| 42. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669 |
| 43. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN NAM | Thôn An Thái, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                    | 5.000.000.000         | 50,000    | 122098871                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN THANH NAM | Thôn Thượng Tùng, Xã Lão Hộ, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                | 5.000.000.000         | 50,000    | 121707803                                                                                                                                         |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122098871

Ngày cấp: 23/05/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Thái, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Thái, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang